|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD VÀ ĐT HƯNG YÊN  **TRƯỜNG THPT TRIỆU QUANG PHỤC** | **ĐÁP ÁN BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ 1**  **NĂM HỌC 2021 - 2022**  **MÔN Sinh học** **– Khối lớp 10**  *Thời gian làm bài : 45 phút*  *(không kể thời gian phát đề)* |

|  |
| --- |
| Các cấp tổ chức cơ bản của thế giới sống được sắp xếp theo thứ tự từ cao đến thấp? |
| Hệ sinh thái – quần xã – quần thể – cơ thể – tế bào. |
| Cơ thể – tế bào – quần thể – quần xã – hệ sinh thái . |
| Hệ sinh thái – quần thể – quần xã – cơ thể – tế bào. |
| Tế bào – cơ thể – quần thể – quần xã – hệ sinh thái. |
|  |
| Theo hệ thống phân loại 5 giới của Oaitâykơ và Magulis , tảo thuộc giới nào sau đây? |
| Nguyên sinh. |
| Khởi sinh. |
| Nấm. |
| Động vật. |
|  |
| Một phân tử mỡ gồm |
| 1 phân tử glixêrol liên kết với 3 axit béo. |
| 1 phân tử glixêrol liên kết với 1 axit béo. |
| 3 phân tử glixêrol liên kết với 3 axit béo. |
| 1 phân tử glixêrol liên kết với 2 axit béo. |
|  |
| Nguyên tố nào sau đây là nguyên tố đại lượng? |
| P. |
| Cu. |
| Mn. |
| Mo. |
|  |
| Các axit amin liên kết với nhau bằng liên kết peptit tạo ra chuỗi pôlipeptit hình thành nên cấu trúc bậc mấy của phân tử protein? |
| 1. |
| 2. |
| 3. |
| 4. |
|  |
| Chức năng của phân tử ADN là: |
| bảo quản và truyền đạt thông tin di truyền. |
| truyền thông tin từ ADN tới riboxom. |
| thành phần cấu tạo nên ribôxôm. |
| vận chuyển axit amin đến nơi tổng hợp prôtêin. |
|  |
| Đặc điểm nào sau đây **không** phải của tế bào nhân sơ? |
| Không chứa phân tử ADN. |
| Có kích thước nhỏ. |
| Chưa có nhân hoàn chỉnh. |
| Không có các bào quan như bộ máy Gôngi, lưới nội chất. |
|  |
| Trong tế bào nhân thực, các bào quan có 2 lớp màng bao bọc là |
| ti thể, lục lạp. |
| perôxixôm, ribôxôm. |
| lizôxôm, bộ máy Gôngi. |
| ribôxôm, lizôxôm. |
|  |
| Ở tế bào thực vật, thành tế bào được cấu tạo chủ yếu từ chất nào? |
| Xenlulôzơ. |
| Kitin. |
| Pôlipeptit. |
| Peptiđôglican. |
|  |
| Lưới nội chất hạt trong tế bào nhân thực có chức năng nào sau đây? |
| Tổng hợp prôtêin tiết ra ngoài và prôtêin cấu tạo nên màng tế bào. |
| Bao gói các sản phẩm được tổng hợp trong tế bào. |
| Sản xuất enzim tham gia vào quá trình tổng hợp lipit. |
| Chuyển hóa đường và phân hủy chất độc hại đối với cơ thể. |
|  |
| Tế bào của cùng một cơ thể có thể nhận biết nhau và nhận biết các tế bào “lạ” nhờ: |
| Màng sinh chất có “dấu chuẩn”. |
| Bên ngoài màng sinh chất có chất nền ngoại bào. |
| Màng sinh chất có khả năng trao đổi chất với môi trường. |
| Màng sinh chất có prôtêin thụ thể. |
|  |
| Bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở thực vật là |
| lục lạp. |
| ti thể. |
| trung thể. |
| lizoxom. |
|  |
| Hóa chất sử dụng trong thí nghiệm co và phản co nguyên sinh là |
| Nước cất và nước muối (đường) loãng. |
| Dung dịch axit sunfuric hoặc nước muối (đường) loãng. |
| Dung dịch axit clohydric hoặc nước muối loãng. |
| Nước cất và axit sunfuric. |
|  |
| ATP được cấu tạo từ 3 thành phần là |
| Bazơ nitơ ađênin, đường ribôzơ, 3 nhóm phôtphat. |
| Bazơ nitơ ađênôzin, đường ribôzơ, 2 nhóm phôtphat. |
| Bazơ nito ađênôzin, đường đêôxiribôzơ, 3 nhóm phôtphat. |
| Bazơ nitơ ađênin, đường đêôxiribôzơ, 3 nhóm phôtphat. |
|  |
| Thế năng là |
| dạng năng lượng dự trữ có tiềm năng sinh công. |
| dạng năng lượng trong các hợp chất hóa học. |
| dạng năng lượng sẵn sàng sinh công. |
| nhiệt năng sinh ra trong trao đổi chất của tế bào. |
|  |
| Tế bào nào trong cơ thể người có nhiều ti thể nhất? |
| Cơ tim. |
| Biểu bì . |
| Hồng cầu. |
| Xương. |
|  |
| Năng lượng chủ yếu trong tế bào tồn tại ở dạng |
| tiềm ẩn trong các liên kết hóa học. |
| nhiệt. |
| điện năng. |
| hóa năng, điện năng và nhiệt năng. |
|  |
| Hoạt động nào sau đây không cần năng lượng cung cấp từ ATP? |
| khuếch tán chất tan qua màng tế bào. |
| Sinh trưởng ở cây xanh. |
| Co cơ ở động vật. |
| Vận chuyển chủ động các chất qua màng sinh chất. |
|  |
| Trong tế bào, năng lượng ATP được sử dụng vào các việc chính như:  (1) Phân hủy các chất hóa học cần thiết cho cơ thể.  (2) Tổng hợp nên các chất hóa học cần thiết cho tế bào.  (3) Vận chuyển các chất qua màng.  (4) Sinh công cơ học.  Những khẳng định đúng là |
| (2), (3), (4). |
| (1), (2). |
| (1), (3). |
| (1), (2), (3). |
|  |
| Trong các ý sau có bao nhiêu ý đúng về đặc điểm chung của tất cả các tế bào nhân thực?  (1) Không có thành tế bào bao bọc bên ngoài.  (2) Có màng nhân bao bọc vật chất di truyền.  (3) Trong tế bào chất có hệ thống các bào quan.  (4) Có hệ thống nội màng chia tế bào chất thành các xoang nhỏ. |
| 3. |
| 2. |
| 4. |
| 1. |
|  |
| Nghiên cứu một số hoạt động sau  (1) Tổng hợp prôtêin. (2) Tế bào thận vận chuyển chủ động urê qua màng.  (3) Tim co bóp đẩy máu chảy vào động mạch. (4) Vận động viên đang nâng quả tạ.  Trong các hoạt động trên, có bao nhiêu hoạt động tiêu tốn năng lượng ATP của tế bào? |
| 4. |
| 2. |
| 3. |
| 1. |
|  |
| Một phân tử ADN với chiều dài 5100 ăngtron, hiệu số nuclêôtit loại A và loại nuclêôtit không bổ sung với nó là 300. Số nucleotit loại G của phân tử ADN trên là |
| 600. |
| 900. |
| 1500. |
| 300. |
|  |
| Một nhà khoa học đã tiến hành thí nghiệm phá hủy nhân của tế bào trứng ếch thuộc loài A, sau đó lấy nhân của tế bào sinh dưỡng của loài B cấy vào. Sau nhiều lần thí nghiệm, đã nhận được các con ếch con từ các tế bào đã được chuyển nhân. Em hãy chọn phương án đúng nhất trong các kết luận sau:  (1) Các con ếch con mang đặc điểm của cả 2 loài A và B.  (2) Nhân tế bào mang thông tin di truyền.  (3) Loài ếch có khả năng sinh sản vô tính trong tự nhiên.  (4) Các con ếch con mang đặc điểm của loài B. |
| (2), (4). |
| (1), (2). |
| (1), (2), (3). |
| (2), (3), (4). |
|  |
| Mạch đơn của một gen có 1799 liên kết phốtpho đieste (liên kết hóa trị) giữa axit và đường, gen có 2030 liên kết hiđrô. |
| Số nuclêôtit loại A của gen là 670. |
| Chiều dài của gen là 6120 A0. |
| Gen có khối lượng là 270000 đc.C. |
| Số chu kì xoắn của gen là 180. |
|  |
| Mạch thứ nhất của gen có 35% ađênin và bằng 7/9 nucleotit loại timin của mạch. Gen này có 120 xitôzin. Chiều dài của gen là |
| 0,204 µm. |
| 4080 A0. |
| 0,102 µm. |
| 5100 A0. |

**ĐỀ VÀ ĐÁP ÁN KIỂM TRA HỌC KÌ I MÔN SINH 10**

**( Cụ thể các câu theo ma trận đề)**

|  |
| --- |
| C1: Các cấp tổ chức cơ bản của thế giới sống được sắp xếp theo thứ tự từ cao đến thấp? |
| Hệ sinh thái - quần xã - quần thể - cơ thể - tế bào. |
| Cơ thể - tế bào – quần thể - quần xã – hệ sinh thái . |
| Hệ sinh thái - quần thể - quần xã - cơ thể - tế bào. |
| Tế bào – cơ thể - quần thể - quần xã – hệ sinh thái. |
|  |
| C 2: Theo hệ thống phân loại 5 giới của Oaitâykơ và Magulis , tảo thuộc giới nào sau đây? |
| Nguyên sinh. |
| Khởi sinh. |
| Nấm. |
| Động vật. |
|  |
| C4: Một phân tử mỡ gồm |
| 1 phân tử glixêrol liên kết với 3 axit béo. |
| 1 phân tử glixêrol liên kết với 1 axit béo. |
| 3 phân tử glixêrol liên kết với 3 axit béo. |
| 1 phân tử glixêrol liên kết với 2 axit béo. |
|  |
| C3: Nguyên tố nào sau đây là nguyên tố đại lượng? |
| P. |
| Cu. |
| Mn. |
| Mo. |
|  |
| C5: Các axit amin liên kết với nhau bằng liên kết peptit tạo ra chuỗi pôlipeptit hình thành nên cấu trúc bậc mấy của phân tử protein? |
| 1. |
| 2. |
| 3. |
| 4. |
|  |
| C6:Chức năng của ADN là: |
| Mang, bảo quản và truyền đạt thông tin di truyền. |
| Truyền thông tin từ ADN tới riboxom. |
| Là thành phần cấu tạo nên riboxom. |
| Có chức năng vận chuyển axit amin đến nơi tổng hợp prôtêin. |
|  |
| C11:Đặc điểm nào sau đây **không** phải của tế bào nhân sơ? |
| Không có chứa phân tử ADN. |
| Có kích thước nhỏ. |
| Chưa có nhân hoàn chỉnh. |
| Không có các bào quan như bộ máy Gôngi, lưới nội chất. |
|  |
| C12:Trong tế bào, các bào quan có 2 lớp màng bao bọc là |
| ti thể, lục lạp. |
| perôxixôm, ribôxôm. |
| lizôxôm, bộ máy Gôngi. |
| ribôxôm, lizôxôm. |
|  |
| C13: Ở tế bào thực vật, thành tế bào được cấu tạo chủ yếu từ chất nào? |
| Xenlulôzơ. |
| Kitin. |
| Pôlipeptit. |
| Peptiđôglican. |
|  |
| C14:Lưới nội chất hạt trong tế bào nhân thực có chức năng nào sau đây? |
| Tổng hợp protein tiết ra ngoài và protein cấu tạo nên màng tế bào. |
| Bao gói các sản phẩm được tổng hợp trong tế bào. |
| Sản xuất enzim tham gia vào quá trình tổng hợp lipit. |
| Chuyển hóa đường và phân hủy chất độc hại đối với cơ thể. |
|  |
| C15:Tế bào của cùng một cơ thể có thể nhận biết nhau và nhận biết các tế bào “lạ” nhờ: |
| Màng sinh chất có “dấu chuẩn”. |
| Bên ngoài màng sinh chất có chất nền ngoại bào. |
| Màng sinh chất có khả năng trao đổi chất với môi trường. |
| Màng sinh chất có prôtêin thụ thể. |
|  |
| C16: Bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở thực vật là |
| lục lạp. |
| ti thể. |
| trung thể. |
| lizoxom. |
|  |
| C20:Hóa chất sử dụng trong thí nghiệm co và phản co nguyên sinh là |
| Nước cất và nước muối (đường) loãng. |
| Dung dịch axit sunfuric hoặc nước muối (đường) loãng. |
| Dung dịch axit clohydric hoặc nước muối loãng. |
| Nước cất và axit sunfuric. |
|  |
| C21:ATP được cấu tạo từ 3 thành phần là |
| Bazơ nitơ ađênin, đường ribôzơ, 3 nhóm phôtphat. |
| Bazơ nitơ ađênôzin, đường ribôzơ, 2 nhóm phôtphat. |
| Bazơ nito ađênôzin, đường đêôxiribôzơ, 3 nhóm phôtphat. |
| Bazơ nitơ ađênin, đường đêôxiribôzơ, 3 nhóm phôtphat. |
|  |
| C22 :Thế năng là |
| dạng năng lượng dự trữ có tiềm năng sinh công. |
| dạng năng lượng trong các hợp chất hóa học. |
| dạng năng lượng sẵn sàng sinh công. |
| nhiệt năng sinh ra trong trao đổi chất của tế bào. |
|  |
| C18:Tế bào nào trong cơ thể người có nhiều ti thể nhất? |
| Cơ tim. |
| Biểu bì . |
| Hồng cầu. |
| Xương. |
|  |
| C23: Năng lượng chủ yếu trong tế bào tồn tại ở dạng |
| tiềm ẩn trong các liên kết hóa học. |
| nhiệt. |
| điện năng. |
| hóa năng, điện năng và nhiệt năng. |
|  |
| C24: Hoạt động nào sau đây không cần năng lượng cung cấp từ ATP? |
| khuếch tán chất tan qua màng tế bào. |
| Sinh trưởng ở cây xanh. |
| Co cơ ở động vật. |
| Vận chuyển chủ động các chất qua màng sinh chất. |
|  |
| C19:Trong tế bào, năng lượng ATP được sử dụng vào các việc chính như:  (1) Phân hủy các chất hóa học cần thiết cho cơ thể.  (2) Tổng hợp nên các chất hóa học cần thiết cho tế bào.  (3) Vận chuyển các chất qua màng.  (4) Sinh công cơ học.  Những khẳng định đúng là |
| (2), (3), (4). |
| (1), (2). |
| (1), (3). |
| (1), (2), (3). |
|  |
| C17:Trong các ý sau có bao nhiêu ý đúng về đặc điểm chung của tất cả các tế bào nhân thực?  (1) Không có thành tế bào bao bọc bên ngoài.  (2) Có màng nhân bao bọc vật chất di truyền.  (3) Trong tế bào chất có hệ thống các bào quan.  (4) Có hệ thống nội màng chia tế bào chất thành các xoang nhỏ. |
| 3. |
| 2. |
| 4. |
| 1. |
|  |
| C25:Nghiên cứu một số hoạt động sau  (1) Tổng hợp prôtêin. (2) Tế bào thận vận chuyển chủ động urê qua màng.  (3) Tim co bóp đẩy máu chảy vào động mạch. (4) Vận động viên đang nâng quả tạ.  Trong các hoạt động trên, có bao nhiêu hoạt động tiêu tốn năng lượng ATP của tế bào? |
| 4. |
| 2. |
| 3. |
| 1. |
|  |
| C7: Một phân tử ADN với chiều dài 5100 ăngtron, hiệu số nucleotit loại A và loại nucleotit không bổ sung với nó là 300. Số nucleotit loại G của phân tử ADN trên là |
| 600. |
| 900. |
| 1500. |
| 300. |
|  |
| C8: Một nhà khoa học đã tiến hành thí nghiệm phá hủy nhân của tế bào trứng ếch thuộc loài A, sau đó lấy nhân của tế bào sinh dưỡng của loài B cấy vào. Sau nhiều lần thí nghiệm, đã nhận được các con ếch con từ các tế bào đã được chuyển nhân. Em hãy chọn phương án đúng nhất trong các kết luận sau:  (1) Các con ếch con mang đặc điểm của cả 2 loài A và B.  (2) Nhân tế bào mang thông tin di truyền.  (3) Loài ếch có khả năng sinh sản vô tính trong tự nhiên.  (4) Các con ếch con mang đặc điểm của loài B. |
| (2), (4). |
| (1), (2). |
| (1), (2), (3). |
| (2), (3), (4). |
| C9: Mạch đơn của một gen có 1799 liên kết hóa trị giữa axit và đường, gen có 2030 liên kết hiđrô. |
| Số nuclêôtit loại A của gen là 670. |
| Chiều dài của gen là 6120 A0. |
| Gen có khối lượng là 270000 đc.C. |
| Số chu kì xoắn của gen là 180. |
|  |
| C10: Mạch thứ nhất của gen có 35% ađênin và bằng 7/9 nucleotit loại timin của mạch. Gen này có 120 xitôzin. Chiều dài của gen là |
| 0,204 µm. |
| 4080 A0. |
| 0,102 µm. |
| 5100 A0. |